

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

**KĨ NĂNG TƯ DUY PHẢN BIỆN VÀ HỌC NGOẠI NGỮ:
GÓC NHÌN TỪ TRIẾT LÝ GIÁO DỤC CỦA JOHN DEWEY****PHẠM THỊ CHUẨN* - TRẦN THU TRANG** -****NGUYỄN HUYỀN NGỌC*****

TÓM TẮT: Dựa trên nền tảng triết lý giáo dục của John Dewey, nghiên cứu này khám phá mối quan hệ qua lại giữa tư duy phản biện và việc học ngoại ngữ. Trước hết, nghiên cứu phân tích quan điểm của Dewey về vai trò của giáo dục trong việc nuôi dưỡng năng lực tư duy bậc cao, đặc biệt là khả năng tư duy phản biện - yếu tố cốt lõi giúp người học chủ động, sáng tạo và biết đặt câu hỏi trong quá trình tiếp nhận tri thức. Từ cơ sở lý luận đó, tư duy phản biện được đặt trong bối cảnh học ngoại ngữ để làm rõ rằng việc rèn luyện kĩ năng này có thể nâng cao rõ rệt hiệu quả học tập ngôn ngữ. Ngược lại, việc học và sử dụng ngoại ngữ cũng kích thích người học phát triển khả năng tư duy phản biện thông qua quá trình so sánh, phân tích và phản ánh giữa các hệ thống ngôn ngữ và văn hóa. Hai quá trình này tương tác và bổ trợ cho nhau, tạo nên mối quan hệ cộng hưởng giúp người học phát triển toàn diện cả về nhận thức lẫn năng lực giao tiếp.

TỪ KHÓA: triết lý giáo dục John Dewey; tư duy phản biện; ngôn ngữ; ngoại ngữ; học tập trải nghiệm.

NHẬN BÀI: 05/08/2025.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 12/12/2025

1. Đặt vấn đề

Tại nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ thuộc nền văn hóa Á Đông, chính phủ cùng các tổ chức giáo dục - kinh tế ngày càng nhấn mạnh vai trò của tư duy phản biện như một mục tiêu trọng tâm trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực. Việc nuôi dưỡng năng lực này được xem là chìa khóa giúp tăng cường sức cạnh tranh của người học trong bối cảnh toàn cầu hóa. Nhiều trường học đã bắt đầu đổi mới chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy và hệ thống đánh giá nhằm hướng đến việc hình thành và rèn luyện tư duy phản biện cho người học.

Khái niệm này trong giáo dục được khởi nguồn từ triết lý của John Dewey (1916) - nhà triết học, nhà giáo dục người Mỹ, người cho rằng bản chất của giáo dục là dạy con người “biết suy nghĩ”. Theo Dewey, học sinh không bước vào lớp học như những tờ giấy trắng, mà mang theo kinh nghiệm sống và hành động riêng. Vai trò của giáo dục là định hướng, dẫn dắt những trải nghiệm đó để hình thành nhận thức đúng đắn. Từ quan điểm đó, triết lý giáo dục của ông đã trở thành nền tảng cho việc thiết kế mục tiêu, cấu trúc và cách thức triển khai chương trình học. Là người tiên phong của phong trào giáo dục tiến bộ, Dewey khẳng định rằng học tập hiệu quả nhất khi gắn liền với trải nghiệm thực tế và sự tương tác giữa người học với môi trường. Chính trong quá trình ấy, tư duy phản biện được hình thành và phát triển tự nhiên thông qua việc quan sát, phân tích và phản hồi các tình huống thực tiễn.

Ở bậc đại học, tư duy phản biện (TDPB) được xem là một trong những năng lực trí tuệ cốt lõi mà sinh viên cần đạt được. Tuy vậy, trong lĩnh vực giảng dạy ngoại ngữ, kĩ năng này lại thường bị xem nhẹ. Nhiều người vẫn cho rằng việc học ngôn ngữ chủ yếu là ghi nhớ từ vựng, cấu trúc câu và thực hành theo khuôn mẫu, thay vì khuyến khích người học tư duy, phân tích và sáng tạo khi sử dụng ngôn ngữ. Chính vì vậy, nghiên cứu này được thực hiện nhằm làm rõ vai trò của tư duy phản biện trong quá trình học ngoại ngữ, đồng thời xem xét cách mà việc học ngoại ngữ có thể góp phần thúc đẩy và phát triển kĩ năng tư duy phản biện của người học.

2. Cơ sở lý thuyết**2.1. Triết lý giáo dục của John Dewey và tư duy phản biện**

John Dewey (1859-1952) được xem là một trong những nhà triết học và cải cách giáo dục có ảnh

Trường Đại học Mở Hà Nội:

**Email: phamchuanTQ@hou.edu.vn; **Email: thutrang126@hou.edu.vn;*

****Email: nguyenhuyennhoc@hou.edu.vn*

hưởng sâu rộng nhất của thế kỉ XX. Theo ông, giáo dục không chỉ dừng lại ở việc truyền đạt tri thức, mà mục tiêu cao hơn là hình thành nên những con người biết suy nghĩ độc lập, có khả năng tư duy phản biện và có ý thức trách nhiệm với xã hội. Dewey cho rằng quá trình học tập không phải là con đường một chiều từ thầy đến trò, mà là hành trình người học tự khám phá, đặt câu hỏi, hoài nghi và kiến tạo lại tri thức từ chính trải nghiệm cá nhân của họ. Chính tư tưởng này đã trở thành nền tảng cho nhiều công trình hiện đại về mối quan hệ giữa giáo dục, tư duy và sự phát triển con người.

Trong tác phẩm “How We Think” (Cách ta nghĩ) Dewey định nghĩa tư duy phản biện là “một quá trình xem xét tích cực, kiên trì và chủ động đối với niềm tin hay dạng thức tri thức, dựa trên bằng chứng và lí lẽ hợp lí” (John Dewey, 1910). Trọng tâm của khái niệm này là việc tri hoãn đánh giá, duy trì tình thần hoài nghi có tính xây dựng và không ngừng chất vấn những hiểu biết sẵn có để khám phá ra điều mới và đưa ra phán đoán chính xác hơn. Theo Dewey, khi con người hành động vượt ra khỏi thói quen, họ sẽ gặp phải những kết quả bất ngờ - chính sự đối mặt với điều đó khiến họ phải sáng tạo và thích nghi. Ông cho rằng, tư duy là cầu nối giúp con người thấu hiểu thế giới xung quanh mình. Vì vậy, một nền giáo dục toàn diện cần giúp người học dám từ bỏ lối mòn và nuôi dưỡng năng lực sáng tạo. Dewey phản đối các phương pháp dạy học cứng nhắc, xem tri thức là chân lí bất biến chỉ cần truyền lại. Trái lại, ông tin rằng mọi khái niệm đều có thể được tái cấu trúc, mở rộng và làm giàu thêm thông qua những hiểu biết mới. Theo ông, vai trò của giáo dục không phải là “tạo ra” năng lực, mà là “đánh thức” tiềm năng vốn có ở mỗi cá nhân.

Dewey đặc biệt coi trọng nguyên tắc “học qua trải nghiệm”. Theo Dewey, tri thức chỉ thực sự có ý nghĩa khi người học gắn nó với cuộc sống và trải nghiệm thực tế. Việc học là một quá trình tương tác liên tục giữa cá nhân và môi trường, nơi con người không ngừng điều chỉnh nhận thức, khái niệm và hành vi của mình. Đặc biệt, trong hoạt động nhóm (khi học sinh chia sẻ và tranh luận) họ có cơ hội tiếp xúc với nhiều quan điểm khác nhau, từ đó mở rộng tầm hiểu biết và phát triển kĩ năng tư duy. Dewey cho rằng, những hoạt động tập thể mang ý nghĩa quan trọng trong việc nuôi dưỡng khả năng tư duy độc lập và năng lực xã hội. Theo ông, nếu học sinh chỉ tiếp nhận tri thức một cách thụ động mà thiếu trải nghiệm gắn liền với kết quả thực tế, họ khó có thể thay đổi cách nghĩ hay phát triển năng lực phản biện sâu sắc. Vì vậy, người học cần được khuyến khích chủ động hành động, quan sát, phản tư và điều chỉnh hành vi của mình: đây chính là quá trình mà Dewey gọi là “transaction” (giao dịch), bao gồm giai đoạn hành động và giai đoạn trải nghiệm, trong đó người học vừa thực hiện vừa suy ngẫm về tác động của hành động đó. Ông cũng nhấn mạnh rằng lớp học không nên chỉ là nơi tiếp nhận những lời giải sẵn có, mà cần trở thành không gian để học sinh tự khám phá, đặt câu hỏi và tự mình đánh giá giá trị của tri thức. Với Dewey, giáo viên là người đồng hành trong hành trình khám phá tri thức chứ không phải người “truyền đạt chân lí”. Họ cần khuyến khích sự cởi mở, tạo cơ hội cho học sinh đối diện với sự mơ hồ, và biến những tình huống thực tiễn thành chất liệu để học sinh hiểu sâu hơn về bản thân và thế giới.

Cuối cùng, Dewey coi “trải nghiệm thẩm mĩ” là một yếu tố không thể thiếu trong giáo dục. Theo ông, học tập cần gắn liền với cảm xúc, sự hứng thú và niềm vui khám phá. Khi người học được trải nghiệm những hoạt động hấp dẫn, mang lại cảm xúc tích cực, họ sẽ chủ động hơn, sáng tạo hơn và có động lực nội tại để không ngừng học hỏi. Để giúp học sinh tham gia chủ động hơn trong quá trình học, John Dewey đề xuất một loạt chiến lược gắn liền với khái niệm “trải nghiệm thẩm mĩ” - một yếu tố mà ông cho rằng có thể khơi dậy hứng thú và tính sáng tạo của người học.

Trước hết, ông nhấn mạnh tầm quan trọng của việc “khuyến khích tư duy sâu”. Thay vì chỉ dừng lại ở việc quan sát bề mặt, học sinh cần được dẫn dắt để khám phá những lớp nghĩa ẩn sau các yếu tố như màu sắc, âm thanh, hình khối hay kết cấu. Việc đặt câu hỏi, suy ngẫm và tìm kiếm các góc nhìn khác nhau giúp họ tiếp cận tri thức một cách chủ động và có chiều sâu hơn.

Thứ hai, Dewey đề cao việc “xây dựng kết nối đa chiều” giữa trí tuệ, cảm xúc, giác quan và yếu tố xã hội trong học tập. Chẳng hạn, khi học về đề tài “du hành vũ trụ”, học sinh có thể đồng thời tìm hiểu các khía cạnh khoa học như tốc độ, lực đẩy, âm thanh hay rung động, đồng thời cảm nhận được cảm xúc, nỗi sợ và niềm phấn khích của phi hành gia. Sự kết nối này giúp việc học trở nên sống động và mang tính trải nghiệm hơn.

Bên cạnh đó, ông cũng khuyến khích “phát triển cảm nhận giác quan và trí tưởng tượng” thông qua việc sử dụng hình ảnh, ẩn dụ hay chủ đề sáng tạo. Những yếu tố này không chỉ tạo ra sự bất ngờ, mà còn kích thích học sinh tự đặt câu hỏi và tự mình giải quyết vấn đề, thay vì phụ thuộc vào hướng dẫn có sẵn.

Theo Dewey, người học sẽ gắn bó hơn với quá trình học tập khi họ có quyền “chủ động kiểm soát” nó, từ việc lựa chọn chủ đề, tham gia xây dựng nội dung bài học cho đến việc tự đánh giá kết quả và giá trị của những trải nghiệm mình có được. Cách tiếp cận này không chỉ giúp học sinh nắm vững kiến thức, mà còn rèn luyện năng lực tư duy phản biện, khả năng sáng tạo và kỹ năng ra quyết định.

Từ góc nhìn của Dewey, giáo dục không nên được xem là công cụ chuẩn bị cho cuộc sống tương lai, mà chính là “một phần của cuộc sống hiện tại”. Người học chỉ thật sự phát triển tư duy phản biện khi được đặt vào các tình huống đòi hỏi họ phải suy nghĩ, nghi ngờ, đặt câu hỏi và tái cấu trúc lại hiểu biết của mình.

2.2. Ứng dụng triết lý Dewey trong phát triển tư duy phản biện cho người học ngoại ngữ

Triết lý giáo dục của John Dewey đã đặt nền tảng vững chắc cho việc phát triển tư duy phản biện trong học tập nói chung và trong giảng dạy ngoại ngữ nói riêng. Dewey cho rằng, học tập không đơn thuần là tiếp nhận thông tin, mà là một hành trình tìm tòi, phân tư và kiến tạo tri thức dựa trên trải nghiệm thực tiễn. Khi được vận dụng vào dạy học ngoại ngữ, quan điểm này mở ra hướng tiếp cận coi lớp học là môi trường trải nghiệm, nơi người học chủ động tham gia, trao đổi, hợp tác và giải quyết vấn đề bằng ngôn ngữ mục tiêu.

Theo tinh thần đó, việc dạy ngoại ngữ không nên chỉ là quá trình truyền thụ kiến thức một chiều, mà phải tạo cơ hội để người học tự mình khám phá, thử nghiệm và hình thành hiểu biết mới. Lớp học cần được tổ chức như một không gian học tập năng động, nơi người học không chỉ ghi nhớ từ vựng hay cấu trúc ngữ pháp, mà còn sử dụng ngôn ngữ để suy nghĩ, biểu đạt quan điểm và xử lý các tình huống thực tế. Một môi trường giao tiếp chân thực như vậy giúp học sinh phát triển cả năng lực ngôn ngữ lẫn khả năng tư duy phản biện - những năng lực cốt lõi để thích ứng và sáng tạo trong thời đại toàn cầu hóa.

Dưới đây là một số định hướng dạy và học ngoại ngữ theo tinh thần Dewey gắn với việc bồi dưỡng tư duy phản biện:

Thứ nhất, lớp học ngoại ngữ nên được xây dựng như một không gian học tập trải nghiệm. Thay vì chỉ luyện tập mẫu câu, người học được tham gia vào các tình huống thực tế, thực hiện dự án hoặc giải quyết vấn đề bằng ngôn ngữ đang học. Chẳng hạn, trong các buổi thảo luận nhóm, học sinh có thể thu thập thông tin, phân tích dữ liệu, phản biện quan điểm và cùng đề xuất giải pháp. Qua quá trình đó, họ vừa rèn luyện năng lực ngôn ngữ, vừa phát triển khả năng phân tích, đánh giá và lập luận.

Thứ hai, Dewey nhấn mạnh rằng hành động học cần gắn liền với tư duy phản chiếu. Người học không chỉ hoàn thành nhiệm vụ, mà còn nên thường xuyên quan sát cách mình sử dụng ngôn ngữ, so sánh với người khác, nhận diện điểm mạnh - yếu và điều chỉnh chiến lược học tập. Hoạt động viết nhật ký học tập, trao đổi phản hồi hoặc tự đánh giá sau mỗi nhiệm vụ là những cách hữu hiệu giúp hình thành thói quen tự phản tư - điều mà Dewey gọi là “tạm hoãn niềm tin để suy ngẫm trước khi hành động”.

Thứ ba, giáo viên cần khơi dậy hứng thú và kết nối kiến thức với trải nghiệm thực tế. Dưới góc nhìn “trải nghiệm thẩm mỹ” của Dewey, việc dạy ngoại ngữ nên kích thích trí tò mò, cảm xúc và khả năng sáng tạo của người học. Ví dụ, khi học về chủ đề “môi trường”, học sinh có thể tham gia vào mô phỏng hội nghị quốc tế, thảo luận và tranh luận bằng ngoại ngữ. Qua đó, ngôn ngữ không còn là mục tiêu duy nhất, mà trở thành công cụ để thể hiện quan điểm, phản biện và tìm kiếm giải pháp sáng tạo.

Cuối cùng, Dewey coi giáo dục là một quá trình xã hội hóa. Trong lớp học ngoại ngữ, người học phát triển ngôn ngữ và tư duy thông qua đối thoại, hợp tác và trao đổi ý tưởng trong cộng đồng học tập. Sự đa dạng về quan điểm và cách nhìn trong nhóm giúp họ tiếp cận vấn đề từ nhiều góc độ khác nhau, mở rộng khả năng phân tích và tăng cường tư duy phản biện.

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này được tiến hành dựa trên phương pháp định tính kết hợp với thực nghiệm giảng dạy, nhằm khám phá mối quan hệ giữa kỹ năng tư duy phản biện và việc học ngoại ngữ từ quan điểm triết lý giáo dục của John Dewey. Quy trình nghiên cứu bao gồm việc thu thập và phân tích tài liệu khoa học từ các nguồn đáng tin cậy trong và ngoài nước, sau đó đối chiếu, sàng lọc và tổ chức lại để xây dựng cơ sở lý luận. Từ đó, nghiên cứu triển khai thực nghiệm giảng dạy, thu thập dữ liệu từ kết quả học tập và phản hồi của học sinh, đồng thời phân tích nhằm chứng minh tác động của việc lồng ghép tư duy phản biện vào quá trình học ngoại ngữ.

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Kết quả khảo sát

Đối tượng tham gia khảo sát:

Nghiên cứu được triển khai trong 60 giờ học (tín chỉ) tại Khoa Tiếng Trung Quốc, Trường Đại học Mở Hà Nội với 60 sinh viên năm thứ hai được chia ngẫu nhiên làm 2 nhóm:

- Nhóm thực nghiệm (n=30): Tham gia chương trình học tích hợp các hoạt động TDPB như thảo luận nhóm tình huống giả định, đọc hiểu phản biện: phản hồi bằng cách viết đoạn văn nêu ý kiến kèm lập luận, viết phản biện: chuyển từ viết mô tả sang viết phân tích, tự đánh giá và phản ánh: viết nhật ký học tập.

- Nhóm đối chứng (n=30): Học theo phương pháp truyền thống như giảng giải ngữ pháp - dịch, luyện từ vựng, và thực hành nghe-nói cơ bản, bài tập cấu trúc.

Công cụ đánh giá:

- Bài kiểm tra pre-test và post-test (đọc hiểu, viết, nghe, nói), dựa trên Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc (trình độ B1), điểm tối đa 100.

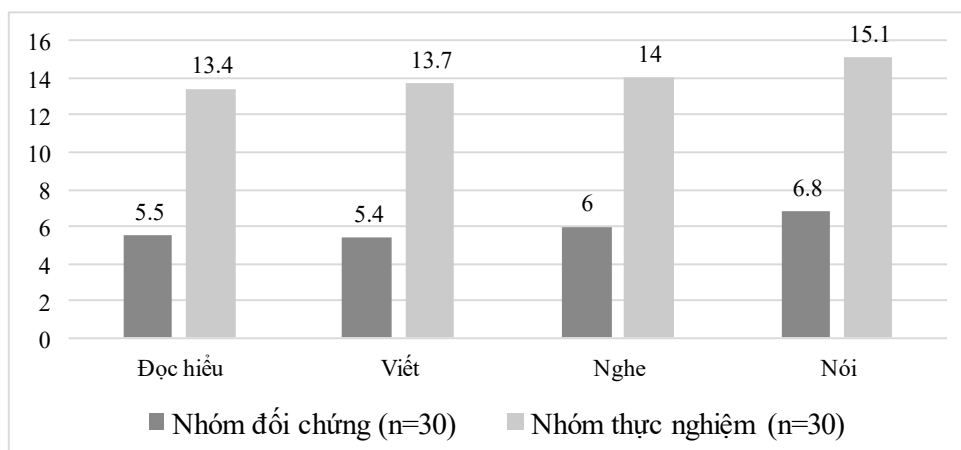
- Phiếu khảo sát cuối khóa nhận thức về sự cải thiện kỹ năng và mức độ tự tin.

4.1.1. Kết quả khảo sát khung năng lực ngoại ngữ

Bảng dưới đây trình bày điểm trung bình của các kỹ năng trong bài kiểm tra pre-test và post-test:

Bảng 1. Kết quả điểm trung bình pre-test và post-test

Kỹ năng	Nhóm đối chứng (n=30)			Nhóm thực nghiệm (n=30)		
	Pre-test	Post-test	Mức tăng	Pre-test	Post-test	Mức tăng
Đọc hiểu	64.8	70.3	+5.5	65.2	78.6	+13.4
Viết	63.1	68.5	+5.4	62.5	76.2	+13.7
Nghe	61.2	67.2	+6	60.8	74.8	+14
Nói	59.0	65.8	+6.8	58.4	73.5	+15.1



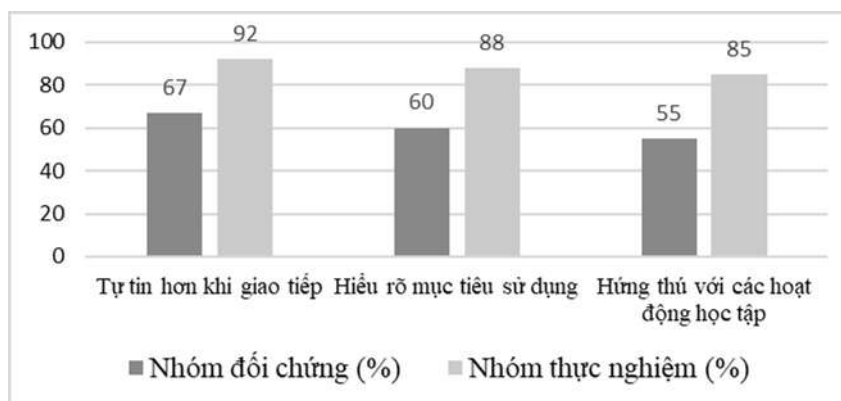
Sơ đồ 1. So sánh mức tăng năng lực ngoại ngữ pre-test và post-test giữa nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm

4.1.2. Kết quả khảo sát nhận thức

Phiếu khảo sát nhận thức thu được kết quả như sau:

Bảng 2. Tỷ lệ nhận thức cải thiện kỹ năng giao tiếp tiếng Trung

Nhận thức	Nhóm đối chứng (%)	Nhóm thực nghiệm (%)
Tự tin hơn khi giao tiếp	67	92
Hiểu rõ mục tiêu sử dụng	60	88
Hứng thú với các hoạt động học tập	55	85



Sơ đồ 2. So sánh tỷ lệ nhận thức cải thiện kỹ năng giao tiếp tiếng Trung

4.1.3. Phân tích kết quả thực nghiệm

Kết quả nghiên cứu cho thấy có sự khác biệt rõ rệt giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng trong tất cả các kỹ năng ngôn ngữ. Sau giai đoạn can thiệp, điểm trung bình của nhóm thực nghiệm tăng mạnh hơn đáng kể: kỹ năng đọc hiểu tăng +13,4 điểm (so với +5,5 điểm ở nhóm đối chứng), kỹ năng viết tăng +13,7 điểm (so với +5,4 điểm), kỹ năng nghe tăng +14,0 điểm (so với +6,0 điểm), và kỹ năng nói tăng +15,1 điểm (so với +6,8 điểm). Những kết quả này củng cố luận điểm rằng khi người học được khuyến khích tự duy độc lập và phản biện, họ không chỉ nắm vững ngôn ngữ mà còn biết vận dụng linh hoạt trong các tình huống giao tiếp phức tạp.

Ngoài ra, dữ liệu thu được từ phiếu khảo sát cuối khóa cho thấy hơn 80% học sinh trong nhóm thực nghiệm khẳng định rằng họ “hiểu rõ hơn mục tiêu sử dụng tiếng Trung” và “hứng thú với các hoạt động

học tập”, trong khi trên 90% cho biết “tự tin hơn trong giao tiếp”. Điều này chứng minh rằng việc tích hợp tư duy phản biện vào giảng dạy ngoại ngữ không chỉ nâng cao năng lực ngôn ngữ, mà còn tạo ra sự chuyển biến tích cực trong thái độ học tập, tinh thần chủ động và khả năng ứng dụng ngôn ngữ vào đời sống.

Mặc dù nghiên cứu vẫn có giới hạn nhất định, song kết quả thực nghiệm cho thấy tiềm năng rõ rệt của việc kết hợp giảng dạy tư duy phản biện trong lớp học ngoại ngữ. Mô hình lấy người học làm trung tâm - trong đó giáo viên đóng vai trò hướng dẫn, hỗ trợ hơn là truyền đạt - đã tạo điều kiện cho người học chủ động kiến tạo tri thức và phát triển năng lực học thuật. Đây là nền tảng quan trọng giúp sinh viên sẵn sàng cho việc học ở bậc cao hơn hoặc hòa nhập trong môi trường học thuật quốc tế.

Từ cả phương diện lý thuyết lẫn thực nghiệm, có thể khẳng định rằng việc giảng dạy tư duy phản biện không làm gián đoạn quá trình phát triển ngôn ngữ, mà ngược lại, hai yếu tố này hỗ trợ và thúc đẩy lẫn nhau.

4.2. Tư duy phản biện cải thiện việc học ngoại ngữ

Việc tích hợp tư duy phản biện vào giảng dạy ngoại ngữ giúp người học tham gia sâu hơn vào quá trình học. Các hoạt động học tập mang tính khám phá và phản tư tạo cơ hội cho sinh viên phát triển khả năng tư duy độc lập, giải quyết vấn đề thực tế và mở rộng năng lực ngôn ngữ. Những nghiên cứu gần đây cũng chỉ ra rằng tư duy phản biện có tác động tích cực đến kỹ năng đọc và viết, đặc biệt trong việc học tiếng Trung, giúp người học cải thiện khả năng phân tích, đánh giá và lập luận trong các tình huống giao tiếp. Thông qua việc phân tích cấu trúc logic của văn bản, người học có thể hiểu sâu hơn nội dung, diễn đạt ý tưởng rõ ràng và có hệ thống, đồng thời nâng cao kỹ năng ngôn ngữ cũng như năng lực trình bày. Bên cạnh đó, tư duy phản biện giúp người học cân nhắc nhiều lựa chọn khác nhau, nhận diện giả định, ý nghĩa ngầm và hiệu quả thực tế của mỗi lựa chọn. Điều này không chỉ cải thiện kỹ năng giao tiếp mà còn hỗ trợ họ giải quyết những vấn đề phức tạp trong học tập và cuộc sống.

Trong tương lai, khi người học được tham gia vào các hoạt động tranh luận có cấu trúc, họ sẽ được khơi dậy tính tò mò, nâng cao tinh thần học tập chủ động và khả năng tôn trọng sự đa dạng trong quan điểm. Quá trình này giúp mở rộng tư duy, thúc đẩy sáng tạo và hình thành những kết luận độc lập cho các vấn đề đang được thảo luận.

Tư duy phản biện còn đòi hỏi người học biết lập luận logic, từ đó phát triển tư duy bậc cao và nâng cao hiệu quả học ngoại ngữ. Khi được hướng dẫn phát triển kỹ năng này, người học trở nên có trách nhiệm hơn với suy nghĩ của mình, biết tự đánh giá, điều chỉnh và cải thiện phương pháp học. Nhờ vậy, việc học ngôn ngữ trở nên có ý nghĩa hơn, gắn liền với trải nghiệm cá nhân và nhu cầu thực tiễn.

Để bồi dưỡng năng lực tư duy phản biện, chương trình đào tạo ngoại ngữ cần mở rộng mục tiêu vượt ra ngoài phạm vi kiến thức ngôn ngữ, hướng đến phát triển kỹ năng tư duy, phân tích và sáng tạo. Hiệu quả của giảng dạy không chỉ thể hiện ở việc truyền đạt nội dung, mà còn ở khả năng giúp người học đạt được sự hiểu biết sâu sắc và giá trị học tập lâu dài.

Do đó, giáo viên ngoại ngữ đóng vai trò trung tâm trong việc nuôi dưỡng và khuyến khích tư duy phản biện, tạo môi trường để học sinh rèn luyện kỹ năng này song song với quá trình học ngôn ngữ. Đây chính là con đường hướng tới một nền giáo dục ngoại ngữ toàn diện - nơi người học vừa làm chủ ngôn ngữ, vừa trở thành những người tư duy độc lập và sáng tạo.

4.3. Học ngoại ngữ nâng cao kỹ năng tư duy phản biện

Theo triết lý giáo dục của John Dewey, năng lực nhận thức của con người được phát triển thông qua sự tham gia tích cực vào các hoạt động xã hội và văn hóa. Dù ra đời cách đây hơn một thế kỷ, quan điểm này vẫn giữ nguyên giá trị trong giáo dục hiện đại. Việc học ngoại ngữ, với bản chất gắn liền cùng tương tác và giao tiếp, chính là môi trường thuận lợi để người học rèn luyện các kỹ năng tư duy bậc cao. Dewey cho rằng, việc dạy học cần đặt trọng tâm vào đối thoại - nơi người học được khuyến khích bày tỏ ý kiến, trao đổi và tôn trọng quan điểm của nhau. Nhờ đó, quá trình học tập trở nên có ý nghĩa hơn, đồng thời thúc đẩy sự tham gia chủ động và khả năng phản tư của người học. Trong lớp học ngoại ngữ, các hoạt động giao tiếp với giáo viên và bạn bè không chỉ giúp trau dồi kỹ năng ngôn ngữ mà còn phát triển năng lực hợp tác, tư duy logic và kỹ năng giải quyết vấn đề. Giao tiếp cởi mở, tự nhiên cũng tạo

điều kiện để người học duy trì động lực, nuôi dưỡng trí tuệ cảm xúc và năng lực xã hội – những yếu tố cần thiết cho việc học hiệu quả. Đối với sinh viên, khả năng sử dụng thành thạo ngoại ngữ không chỉ là công cụ nghề nghiệp mà còn là phương tiện giúp họ mở rộng tầm nhìn, nâng cao năng lực cạnh tranh trong môi trường toàn cầu. Giáo dục hiện đại vì thế cần hướng tới việc củng cố nền tảng văn hóa và trang bị kỹ năng giải quyết các vấn đề thực tiễn. Những sinh viên tích cực tham gia vào hoạt động giao tiếp thường hình thành được thói quen tư duy phản biện, tăng tính hợp tác, sáng tạo và khả năng tự chủ trong học tập, thay vì chỉ phụ thuộc vào sự hướng dẫn của giáo viên.

Việc học một ngôn ngữ mới không dừng lại ở việc ghi nhớ từ vựng hay quy tắc ngữ pháp. Nó đòi hỏi người học phải vận dụng đồng thời nhiều kỹ năng khác nhau như đọc hiểu, viết, làm việc nhóm và giải quyết vấn đề - những năng lực cốt lõi của tư duy phản biện. Quá trình đọc hiểu là sự tương tác giữa người đọc và văn bản nhằm kiến tạo ý nghĩa. Khi tiếp xúc với các loại văn bản đa dạng và các nền văn hóa khác nhau, người học không chỉ mở rộng kiến thức mà còn điều chỉnh giá trị và cách nhìn nhận của bản thân. Để hiểu sâu một văn bản ngoại ngữ, người học cần khả năng dự đoán, nhận diện cấu trúc, liên hệ kiến thức nền và hình thành kết nối mới. Từ đó, họ phát triển những kỹ năng bậc cao như đặt câu hỏi, bình luận, diễn giải và phản hồi - vốn là những yếu tố cấu thành của tư duy phản biện. Vì vậy, nếu hoạt động đọc trong lớp ngoại ngữ được định hướng bằng chiến lược cụ thể, người học sẽ có cơ hội nâng cao đáng kể khả năng tư duy phản biện.

Bên cạnh đó, viết là một kỹ năng quan trọng giúp người học thể hiện sự tham gia của trí tuệ và cảm xúc trong quá trình học ngôn ngữ. Các hoạt động viết không chỉ rèn luyện khả năng sáng tạo mà còn củng cố năng lực phân tích và phản biện. Những hình thức học tập hợp tác như làm việc nhóm hay giải quyết tình huống thúc đẩy người học suy nghĩ độc lập, đánh giá và tự phản tỉnh về năng lực của mình. Khi tập trung vào việc tìm giải pháp thay vì chỉ thực hiện chỉ dẫn, người học dần hình thành tư duy hệ thống, có khả năng lập luận và phối hợp hiệu quả với người khác. Làm việc nhóm cũng mở ra cơ hội để phát triển các dự án hợp tác, rèn luyện tinh thần phản biện và mở rộng tư duy vượt ra ngoài khuôn khổ của sách vở hay bài giảng.

Hơn nữa, việc học ngoại ngữ giúp người học nhận ra mối quan hệ giữa ngôn ngữ, tư duy và cảm xúc. Khi phải di chuyển giữa các hệ thống ngôn ngữ và bối cảnh văn hóa khác nhau, người học phát triển sự linh hoạt trong nhận thức, đồng thời nuôi dưỡng lòng đồng cảm và khả năng nhìn nhận vấn đề từ nhiều góc độ. Đây chính là nền tảng của tư duy phản biện. Việc tiếp xúc với các quy tắc ngữ pháp và từ vựng mới đòi hỏi người học áp dụng các chiến lược giải quyết vấn đề một cách sáng tạo và có hệ thống. Quá trình dịch thuật, với yêu cầu phân tích cấu trúc và ngữ cảnh, giúp củng cố kỹ năng xử lý thông tin phức tạp và xây dựng lập luận logic. Ngoài ra, việc rèn luyện ngôn ngữ còn kích thích trí nhớ, khả năng tập trung và điều hành tư duy - những yếu tố liên quan mật thiết đến quá trình phản biện và ra quyết định. Nhờ vậy, những kỹ năng đạt được từ việc học ngoại ngữ có thể được chuyển hóa và ứng dụng hiệu quả trong nhiều lĩnh vực khác của đời sống.

Thực tế cho thấy, người học ngoại ngữ có xu hướng thể hiện khả năng tư duy phản biện tốt hơn so với những người chỉ học trong môi trường đơn ngữ. Quá trình tiếp xúc, phân tích và so sánh giữa các hệ ngôn ngữ giúp họ phát triển tư duy linh hoạt, khả năng phản biện sâu và thái độ học tập chủ động - những phẩm chất quan trọng trong xã hội tri thức hiện nay.

5. Kết luận

Mối quan hệ giữa việc học ngoại ngữ và phát triển tư duy phản biện có tính tương hỗ sâu sắc. Khi học một ngôn ngữ mới, người học không chỉ mở rộng khả năng giao tiếp mà còn rèn luyện được sự linh hoạt trong tư duy, kỹ năng giải quyết vấn đề và hiểu biết văn hóa - những thành tố cốt lõi hình thành tư duy phản biện. Việc lồng ghép các yếu tố phản biện vào quá trình học ngoại ngữ giúp người học tự tin hơn trong môi trường đa ngôn ngữ, nâng cao khả năng diễn đạt, hợp tác và giao tiếp hiệu quả. Từ đó, họ trở thành những công dân năng động, nhạy bén và có khả năng tư duy độc lập trong xã hội hiện đại.

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy triết lý giáo dục của John Dewey về vai trò của tư duy phản biện hoàn toàn phù hợp để vận dụng trong việc giảng dạy và học ngoại ngữ. Tư duy phản biện không chỉ hỗ trợ người học đạt kết quả ngôn ngữ tốt hơn mà còn giúp họ hiểu sâu và vận dụng ngôn ngữ một cách

sáng tạo. Ngược lại, quá trình học ngoại ngữ cũng góp phần thúc đẩy sự phát triển của tư duy phản biện, khi người học phải liên tục so sánh, phân tích và đánh giá các ý nghĩa, cấu trúc và bối cảnh ngôn ngữ khác nhau.

Sự gắn kết giữa ngôn ngữ và tư duy là mối quan hệ hai chiều không thể tách rời. Vì vậy, trong giáo dục hiện nay, việc rèn luyện kỹ năng tư duy bậc cao nên được xem là một phần thiết yếu trong chương trình đào tạo ngoại ngữ. Điều này không chỉ giúp người học làm chủ ngôn ngữ, mà còn trang bị cho họ năng lực tư duy sâu sắc - nền tảng để thích ứng, sáng tạo và hội nhập trong thế giới toàn cầu hóa.

* Bài viết này thuộc sản phẩm của Đề tài cấp Trường, mã số MHN2024-02.39.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Thanh Dung - Nguyễn Thị Thanh Hòa (2013), *Quan điểm của John Dewey về “tư duy, tư duy phê phán” trong tác phẩm “Cách ta nghĩ” và ý nghĩa của nó trong cải cách giáo dục*, Tạp chí Thông tin Khoa học Xã hội, Số 6.
2. Nguyễn Vũ Hào (2012), *Triết lý giáo dục của John Dewey và những điểm gợi mở cho việc cải cách căn bản nền giáo dục ở Việt Nam hiện nay*, pdf.https://repository.vnu.edu.vn/bitstream/VNU_123/19935/1/KY_05626.pdf
3. John Dewey (2021), *Cách ta nghĩ*, Vũ Đức Anh dịch, Nxb Tri Thức.
4. John Dewey (2018), *Dân chủ và giáo dục*, Phạm Anh Tuấn dịch, tái bản, Nxb Tri Thức.
5. John Dewey (2012), *Kinh nghiệm và giáo dục*, Phạm Anh Tuấn dịch, Nxb Trẻ.
6. Tạp chí nghiên cứu khoa học xã hội châu Á, 2018, Tập 1, Số 2.

Critical thinking and foreign language learning: perspectives from John Dewey’s educational philosophy

Abstract: Based on John Dewey’s educational philosophy, this study explores the reciprocal relationship between critical thinking and foreign language learning. It first examines Dewey’s views on the role of education in fostering higher-order thinking skills, emphasizing critical thinking as a core element that enables learners to be active, creative, and inquisitive in the process of acquiring knowledge. Building on this theoretical foundation, the study situates critical thinking within the context of foreign language learning, arguing that developing this skill can significantly enhance language learning outcomes. Conversely, learning and using a foreign language also stimulate critical thinking through processes of comparison, analysis, and reflection between different linguistic and cultural systems. These two processes interact and reinforce each other, creating a synergistic relationship that supports learners’ holistic development in both cognition and communication.

Key words: Critical thinking; John Dewey’s educational philosophy; foreign language classroom; experimental teaching; experiential learning.